TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 /8/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn H Phúc;

2/- Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa*: ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.*

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: *bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Kim N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: số A, khu phố B, phường C, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Trần Phú H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số A, khu phố B, phường C, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Chị N và anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim N trình bày:

- Về hôn nhân:

Chị và anh Trần Phú H là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân Phường C, thị xã L, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/12/2020. Từ sau khi kết hôn và chung sống đến nay, chị và anh H thường xuyên cự cãi dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt; anh H không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn chỉ ham mê cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình. Chị và anh H sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải hàn gắn được nên chị N xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: chị và anh H có 01 con chung tên Trần Ngọc Minh A sinh ngày 09/10/2021. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho.

- Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Phú H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Lê Thị Kim N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn, anh Trần Phú H vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị Kim N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Anh Trần Phú H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Lê Thị Kim N và anh Trần Phú H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị Kim N xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Trần Phú H không có hạnh phúc do anh H không có trách nhiệm với gia đình và có hành vi bạo lực gia đình làm cho cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh H.

Anh Trần Phú H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị N.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Kim N và anh Trần Phú H là trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Chị N đã giao nộp bản sao giấy khai sinh chứng minh cháu Trần Ngọc Minh A sinh ngày 09/10/2021 là con chung giữa chị và anh Trần Phú H.

Thấy rằng: cháu minh Anh chưa đủ 36 tháng tuổi nêu yêu cầu nuôi con chung của chị N là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Chị N không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Trần Phú H.

2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Trần Ngọc Minh A sinh ngày 09/10/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002509 ngày 04/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị N không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- UBND Phường C, thị xã L;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hồ Thị Ánh Tuyết